**PHỤ LỤC I:** *Ban hành kèm theo Thông tư số: 18 /2006/TT-BLĐTBXH ngày 28/11/2006 của Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội)*

|  |  |
| --- | --- |
| Cơ quan chủ quản:........Đơn vị: .............. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc**........., ngày…..tháng ….. năm ..... |

**BẢNG CHẤM ĐIỂM**

I. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ:

- điểm

- điểm

- điểm

.....

II. Hiệu quả, chất lượng công việc:

- điểm

- điểm

- điểm

.....

III. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị:

- điểm

- điểm

- điểm

.....

IV. Trình độ chuyên môn, cơ cấu của đội ngũ cán bộ, viên chức:

- điểm

- điểm

- điểm

.....

Tổng số: điểm

(viết bằng chữ:...... ...... ... ..... ........ .......... ....... ...... ...... .....)

 **Thủ trưởng đơn vị**

 (ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC II:** *Ban hành kèm theo Thông tư số: 18 /2006/TT-BLĐTBXH ngày 28/11/2006 của Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội)*

**BẢNG TIÊU CHÍ VÀ ĐIỂM**

**XẾP HẠNG MỘT SỐ LOẠI HÌNH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

**NGÀNH LAO** **ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**1 . SỰ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG THƯƠNG, BỆNH BINH** **VÀ NGƯỜI CÓ CÔNG**

***1.1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ:*** 40 điểm

a. Nhiệm vụ: 10 điểm

- Từ 70 % số đối tượng quản lý phải điều trị: 10 điểm

- Từ 50% đến dưới 70% số đối tượng quản lý phải điều trị: 8 điểm

- Từ 30% đến dưới 50% số đối tượng quản lý phải điều trị: 6 điểm

- Dưới 30% số đối tượng quản lý phải điều trị: 4 điểm

b. Loại đối tượng do đơn vị phục vụ: 5 điểm

- Thương bệnh binh nặng: 5 điểm

- Đối tượng khác: 3 điểm

c. Quy mô, nội dung hoạt động 5 điểm

c1. Số lượng đối tượng: 15 điểm

Điều trị, nuôi dưỡng tại chỗ:

- Từ 150 đối tượng trở lên: 15 điểm

- Từ 110 đến dưới 150 đối tượng: 12 điểm

- Từ 70 đến dưới 110 đối tượng: 9 điểm

- Dưới 70 đối tượng: 7 điểm

Điều dưỡng luân phiên:

- Từ 3000 lượt người trở lên: 15 điểm

- Từ 2300 đến dưới 3000 lượt người: 12 điểm

- Từ 1600 đến dưới 2300 lượt người: 9 điểm

- Dưới 1600 lượt người: 6 điểm

c2. Nội dung hoạt động: 10 điểm

- Chuyên khoa: 10 điểm

- Đối tượng tổng hợp, kèm thương tật, bệnh mãn tính

 phải xử lý thường xuyên: 8 điểm

- Có điều trị thông thường: 6 điểm

- Còn lại: 4 điểm

***1.2. Hiệu quả, chất lượng công việc:*** 40 điểm

a. Hoạt động điều trị: 10 điểm

- Có tổ chức khoa, phòng điều trị, có hệ thống cấp cứu

trực 3 cấp, giải quyết 80% diễn biến bệnh trở lên tại

đơn vị: 10 điểm

- Giải quyết từ 60% đến dưới 80% diễn biến bệnh tại

 đơn vị: 8 điểm

- Giải quyết từ 40% đến dưới 60% diễn biến bệnh tại

 đơn vị: 6 điểm

- Giải quyết dưới 40% bệnh trở xuống tại đơn vị: 4 điểm

b. Chế độ chăm sóc: 10 điểm

Số đối tượng được chăm sóc toàn diện:

- Trên 100 đối tượng: 10 điểm

- Từ 65 đối tượng đến dưới 100 đối tượng: 8 điểm

- Từ 30 đối tượng đến dưới 65 đối tượng: 6 điểm

- Dưới 30 đối tượng: 4 điểm

c. Chế độ nuôi dưỡng: 10 điểm

- Bếp ăn tập thể phục vụ trên 100 đối tượng: 10 điểm

- Bếp ăn tập thể phục vụ từ 70 đến dưới 100 đối tượng: 7 điểm

- Bếp ăn tập thể phục vụ từ 50 đến dưới 70 đối tượng: 5 điểm

- Bếp ăn tập thể phục vụ dưới 50 đối tượng: 3 điểm

d, Hoạt động khác: 10 điểm

- Dược có chế biến thuốc, có cận lâm sàng: 3 điểm

 Đạt trên 50% yêu cầu trên: 2 điểm

 Đạt dưới 50% yêu cầu trên: 1 điểm

- Tổ chức phục hồi chức năng, văn hoá, thể thao 5 điểm

\* Tốt: 5 điểm

\* Khá: 3 điểm

\* Trung bình: 1 điểm

- Có tổ chức lao động, sản xuất cải thiện đời sống: 2 điểm

***1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị***: 10 điểm

a. Tổng trị giá tài sản: 3 điểm

- Trên 20 tỷ đồng: 3 điểm

- Từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng: 2 điểm

- Dưới 10 tỷ đồng: 1 điểm

b. Phòng khám, phòng cấp cứu, phòng tập, dụng cụ

 phục hồi chức năng: 3 điểm

 - Đủ trang thiết bị: 3 điểm

 - Không đủ các điều kiện trên: 2 điểm

c. Các khoa phòng xây dựng liên hoàn, có bảng tên đơn vị 2 điểm

- Đủ các điều kiện trên: 2 điểm

- Không đủ các điều kiện trên: 1 điểm

d. Có môi trường cây xanh, cảnh quan tốt, có hàng rào

ngăn cách, cổng xây, có nước sạch, hệ thống vệ sinh: 2 điểm

- Đủ điều kiện trên: 2 điểm

- Không đủ điều kiện trên: 1 điểm

***1.4. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, viên chức***: 10 điểm

a. Viên chức lãnh đạo có trình độ đại học trở lên: 5 điểm

- Trên 80%: 5 điểm

- Từ 60% đến dưới 80%: 4 điểm

- Từ 40% đến dưới 60%: 3 điểm

- Dưới 40%: 2 điểm

b. Viên chức chuyên môn có trình độ trung học trở lên: 5 điểm

- Trên 60%: 5 điểm

- Từ 50% đến dưới 60%: 4 điểm

- Từ 30% đến dưới 50%: 3 điểm

- Dưới 30%: 2 điểm

**2. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP BẢO TRỢ XÃ HỘI**

**2.1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ:** 50 điểm

 (tính điểm đối với đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên tại đơn vị)

- Trẻ em mồ côi: Số đối tượng x 0,2 điểm/đối tượng

- Người già cô đơn: Số đối tượng x 0,3 điểm/đối tượng

- Người nhiễm HIV/AIDS: Số đối tượng x 0,4 điểm/đối tượng

- Người tàn tật: Số đối tượng x 0,4 điểm/đối tượng

- Người tâm thần mãn tính có hành

 vi gây nguy hiểm cho xã hội: Số đối tượng x 0,5 điểm/đối tượng

**2.2.** **Hiệu quả, chất lượng công việc**: 20 điểm

***a.*** ***Mức trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng***: 5 điểm

 - Vượt 100% mức quy định của Nhà nước: 5 điểm

- Vượt dưới 100% mức quy định của Nhà nước: 4 điểm

- Bằng mức quy định của Nhà nước: 3 điểm

***b. Chăm sóc khác cho đối tượng***: 15 điểm

b1. Chăm sóc sức khoẻ (phục hồi chức năng và y tế)/năm: 5 điểm

- Trên 50 đối tượng: 5 điểm

- Từ 20 đối tượng đến dưới 50 đối tượng: 4 điểm

- Dưới 20 đối tượng: 2 điểm

b2. Giáo dục, dạy nghề (số đối tượng/năm): 5 điểm

- Trên 50 đối tượng: 5 điểm

- Từ 20 đối tượng đến dưới 50 đối tượng: 4 điểm

- Dưới 20 đối tượng: 2 điểm

b3.Tổ chức sản xuất (kết quả triệu đồng/năm): 5 điểm

- Trên 20 triệu đồng: 5 điểm

- Từ 10 triệu đồng đến dưới 20 triệu đồng: 4 điểm

- Dưới 10 triệu đồng: 2 điểm

**2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị**: 20 điểm

***a. Quy mô*** (số đối tượng có thể nuôi dưỡng) 4 điểm

- Dưới 100 đối tượng: 2 điểm

- Từ 100 đối tượng đến dưới 300 đối tượng: 3 điểm

- Trên 300 đối tượng: 4 điểm

***b. Cơ sở vật chất***: 8 điểm

b1. Diện tích đất quản lý: 4 điểm

- Dưới 01 ha: 2 điểm

- Từ 01 ha đến dưới 03 ha: 3 điểm

- Trên 03 ha: 4 điểm

b2. Diện tích xây dựng : 4 điểm

- Trên 5.000 m2: 4 điểm

- Từ 3.000 m2 đến dưới 5.000 m2: 3 điểm

- Từ 1.000 đến dưới 3.000 m2: 2 điểm

- Dưới 1.000 m2: 1 điểm

***c. Giá trị tài sản hiện có***: 8 điểm

c1. Giá trị tài sản cố định: 4 điểm

- Trên 10 tỷ đồng: 4 điểm

- Từ 07 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng: 3 điểm

- Từ 05 tỷ đồng đến dưới 07 tỷ đồng: 2 điểm

- Dưới 05 tỷ đồng: 1 điểm

c2. Trang thiết bị văn phòng, phục vụ sinh hoạt: 4 điểm

- Trên 1,0 tỷ đồng: 4 điểm

- Từ 0,7 tỷ đồng đến dưới 1,0 tỷ đồng: 3 điểm

- Từ 0,5 tỷ đồng đến dưới 0,7 tỷ đồng: 2 điểm

- Dưới 0,5 tỷ đồng: 1 điểm

**2.4. Chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, viên chức**: 10 điểm

 a. Viên chức lãnh đạo trình độ trung học trở lên: 5 điểm

- Từ 80% trở lên: 5 điểm

- Từ 60% đến dưới 80%: 4 điểm

- Từ 40% đến dưới 60%: 3 điểm

- Dưới 40%: 2 điểm

b. Viên chức chuyên môn, kỹ thuật có trình độ kỹ thuật

 viên hoặc trình độ từ trung cấp trở lên: 5 điểm

- Từ 80% trở lên: 5 điểm

- Từ 60% đến dưới 80%: 4 điểm

- Từ 40% đến dưới 60%: 3 điểm

- Dưới 40%: 2 điểm

**3. SỰ NGHIỆP CHỈNH HÌNH – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

**3.1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ**: 45 điểm

***a. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn:***  30 điểm

a1. Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: 5 điểm

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của đơn vị chỉnh

hình và phục hồi chức năng (phẫu thuật chỉnh hình; phục

hồi chức năng; sản xuất, lắp ráp dụng cụ chỉnh hình): 5 điểm

- Chỉ thực hiện nhiệm vụ phục hồi chức năng;

sản xuất, lắp ráp dụng cụ chỉnh hình: 3 điểm

- Chỉ thực hiện nhiệm vụ sản xuất, lắp ráp dụng

 cụ chỉnh hình: 2 điểm

a2. Khối lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: 25 điểm

\* Thăm khám bệnh nhân: 3 điểm

+ Từ 6.000 lượt người trở lên/năm: 3 điểm

+ Từ 4.000 đến dưới 6.000 lượt người/năm: 2,5 điểm

+ Từ 2.000 đến dưới 4.000 lượt người/năm: 2 điểm

+ Dưới 2.000 lượt người/năm: 1,5 điểm

\* Số lượt người tập phục hồi chức năng: 3 điểm

+ Từ 6.000 lượt người trở lên/năm: 3 điểm

+ Từ 4.000 đến dưới 6.000 lượt người/năm: 2,5 điểm

+ Từ 2.000 đến dưới 4.000 lượt người/năm: 2 điểm

+ Dưới 2.000 lượt người/năm: 1,5 điểm

\* Số ca phẫu thuật: 5 điểm

+ Từ 500 ca trở lên/năm: 5 điểm

+ Từ 400 đến dưới 500 ca/năm: 4,5 điểm

+ Từ 300 đến dưới 400 ca/năm: 4 điểm

+ Dưới 300 ca/năm : 3,5 điểm

\* Sản xuất, lắp ráp dụng cụ chỉnh hình: 10 điểm

+ Từ 3.000 dụng cụ chỉnh hình trở lên/năm: 10 điểm

+ Từ 2.000 đến dưới 3.000 dụng cụ chỉnh hình/năm: 8 điểm

+ Từ 1.000 đến dưới 2.000 dụng cụ chỉnh hình/năm: 6 điểm

+ Dưới 1.000 dụng cụ chỉnh hình/năm : 4 điểm

\* Sản xuất xe lăn, xe lắc và bán thành phẩm dụng

 cụ chỉnh hình: 4 điểm

+ Sản xuất xe lăn, xe lắc và bán thành phẩm DCCH : 4 điểm

+ Chỉ sản xuất bán thành phẩm DCCH : 2 điểm

***b. Đào tạo chuyên môn tại chỗ và cho cộng đồng:*** 5 điểm

+ Đào tạo tại chỗ và cộng đồng: 5 điểm

+ Đào tạo tại chỗ: 2 điểm

***c. Nghiên cứu khoa học:*** 5 điểm

+ Đề tài cấp Bộ: 5 điểm

+ Đề tài cấp cơ sở: 3 điểm

***d. Địa bàn phục vụ:*** 5 điểm

+ Từ 06 tỉnh, thành phố trở lên: 5 điểm

+ Từ 03 đến 05 tỉnh, thành phố: 4 điểm

+ Từ 01 đến 02 tỉnh, thành phố: 3 điểm

**3.2. Hiệu quả, chất lượng công việc:** 25 điểm

- Tổng thu sự nghiệp: 15 điểm

+ Từ 2,5 tỷ đồng trở lên/năm: 15 điểm

+ Từ 2 đến dưới 2,5 tỷ đồng/năm: 12 điểm

+ Từ 1,5 đến dưới 2 tỷ đồng/năm: 10 điểm

+ Dưới 1,5 tỷ đồng/năm: 8 điểm

- Thu nhập bình quân người lao động: 10 điểm

+ Từ 2 triệu đồng trở lên/tháng/người: 10 điểm

+ Từ 1,5 đến dưới 2 triệu đồng/tháng/người: 8 điểm

+ Từ 1 đến dưới 1,5 triệu đồng/tháng/người: 6 điểm

+ Dưới 1 triệu đồng/tháng/người: 5 điểm

**3.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:** Giá trị tài sản cố định

(nhà cửa, máy móc thiết bị): 5 điểm

+ Từ 15 tỷ đồng trở lên: 5 điểm

+ Từ 10 đến dưới 15 tỷ: 4 điểm

+ Dưới 10 tỷ đồng: 3 điểm

**3.4. Số lượng và trình độ cán bộ,**

 **công nhân, viên chức:** 25 điểm

- Số lượng cán bộ, công nhân, viên chức: 5 điểm

+ Từ 80 người trở lên: 5 điểm

+ Từ 60 đến dưới 80 người: 4 điểm

+ Từ 40 đến dưới 60 người: 3 điểm

+ Dưới 40 người: 2 điểm

- Viên chức lãnh đạo có trình độ đại học trở lên 10 điểm

+ Trên 80% 10 điểm

+ Từ 60% đến dưới 80% 7 điểm

+ Từ 40% đến dưới 60% 4 điểm

+ Dưới 40% 2 điểm

- Trình độ tay nghề công nhân sản xuất: 5 điểm

+ 70% công nhân trực tiếp sản xuất có trình độ tay

nghề từ bậc 6 trở lên: 5 điểm

+ Không đạt tiêu chuẩn trên: 3 điểm

- Trình độ cán bộ, nhân viên còn lại: 5 điểm

+ 50% trở lên cán bộ có trình độ trung cấp trở lên: 5 điểm

+ Không đạt tiêu chuẩn trên: 3 điểm

**4. SỰ NGHIỆP KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN**

***4.1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ***  15 điểm

- Chức năng, nhiệm vụ 5 điểm

+ Kiểm định kỹ thuật an toàn 1 điểm

+ Tư vấn kỹ thuật an toàn 1 điểm

+ Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động 1 điểm

+ Kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá 1 điểm

+ Đào tạo nghề 1 điểm

- Địa bàn hoạt động (tỉnh, thành phổ trực thuộc TW) 10 điểm

+ Từ 10 tỉnh trở lên 10 điểm

+ Từ 5 tỉnh đến dưới 10 tỉnh 5 điểm

+ Dưới 05 tỉnh 2 điểm

***4.2. Hiệu quả, chất lượng công việc:*** 55 điểm

- Doanh thu từ phí kiểm định: 10 điểm

+ Trên 7 tỷ đồng 10 điểm

+ Từ 4 tỷ đồng đến 7 tỷ đồng 8 điểm

+ Từ 2 tỷ đồng đến dưới 4 tỷ đồng 4 điểm

+ Dưới 2 tỷ đồng 2 điểm

- Doanh thu từ các nhiệm vụ, dịch vụ khác 5 điểm

+ Trên 3 tỷ đồng 5 điểm

+ Từ 1,5 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng 4 điểm

+ Từ 0,5 tỷ đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng 3 điểm

+ Dưới 0,5 tỷ đồng 2 điểm

- Nộp ngân sách 15 điểm

+ Trên 1,5 tỷ đồng 15 điểm

+ Từ 1 tỷ đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng 12 điểm

+ Từ 0,3 tỷ đồng đến dưới 1 tỷ đồng 8 điểm

+ Dưới 0,3 tỷ đồng 4 điểm

- Chênh lệch thu chi 10 điểm

+ Trên 1,5 tỷ đồng 10 điểm

+ Từ 1 tỷ đồng đến 1,5 tỷ đồng 7 điểm

+ Từ 0,3 tỷ đồng đến dưới 1 tỷ đồng 4 điểm

+ Dưới 0,3 tỷ đồng 2 điểm

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp/doanh thu năm (tỷ lệ %) 5 điểm

+ Trên 10% 5 điểm

+ Từ 5% đến dưới 10% 4 điểm

+ Dưới 5 % 3 điểm

- Doanh thu bình quân/người/năm 10 điểm

+ Trên 0,2 tỷ đồng 10 điểm

+ Từ 0,15 tỷ đồng đến 0,2 tỷ đồng 8 điểm

+ Từ 0,1 tỷ đồng đến dưới 0,15 tỷ đồng 6 điểm

+ Dưới 0,1 tỷ đồng 4 điểm

***4.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị (vốn)***: gồm giá trị tài sản

 cố định, máy móc, thiết bị: 10 điểm

+ Trên 10 tỷ đồng 10 điểm

+ Từ 6 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng 8 điểm

+ Từ 3 tỷ đồng đến dưới 6 tỷ đồng 6 điểm

+ Dưới 3 tỷ đồng 4 điểm

***4.4. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, viên chức***: 20 điểm

- Tổng số viên chức và lao động hợp đồng có thời hạn từ

một năm trở lên 10 điểm

+ Trên 80 người 10 điểm

+ Từ 50 người đến dưới 80 người 8 điểm

+ Từ 30 người đến dưới 50 người 4 điểm

+ Dưới 30 người 2 điểm

- Viên chức lãnh đạo có trình độ từ đại học trở lên 4 điểm

+ 100% 4 điểm

+ Từ 50% đến dưới 100% 3 điểm

+ Dưới 50% 2 điểm

- Viên chức chuyên môn có trình độ đại học trở lên 3 điểm

+ 100% 3 điểm

+ Dưới 100% 2 điểm

- Công nhân kỹ thuật có tay nghề bậc 3 trở lên 3 điểm

+ 100% 3 điểm

+ Dưới 100% 2 điểm